

Strategic Insight

Tích lũy trước kỳ nghỉ Tết

Thanh khoản trầm lắng trong nửa cuối tháng 12

Đầu tháng 12, VNIndex tiếp tục đà tăng trong tháng trước để chinh phục ngưỡng kháng cự mạnh tại 1,100 điểm trước khi quay đầu và tích lũy quanh mức 1,000 - 1,060 điểm. VNIndex đóng cửa tháng 12 ở mức 1,007 điểm với khối lượng trung bình của 1 tháng thấp hơn dự kiến, giảm 3.9% t/t và 31.8% kể từ đầu năm. Đáng chú ý, thanh khoản bắt đầu giảm dần kể từ ngày 21/12 với giá trị giao dịch trung bình ghi nhận quanh mức 16.5 nghìn tỷ đồng/phiên (-37.8% so với nửa đầu tháng 12).

Lực cầu khối ngoại tăng mạnh

Tháng 12/2022, lực cầu khối ngoại duy trì ở mức cao. Đáng chú ý, lực cầu ngoại trong quý 4 làm lu mờ áp lực bán mạnh trong 9 tháng đầu năm. Bất động sản, Tài chính và Nguyên vật liệu là những ngành được mua ròng nhiều nhất. Về nguồn vốn ETF, Việt Nam đã thu hút dòng vốn cao nhất trong 2 năm vừa qua trong tháng 12/2022 trong khi các quốc gia khác trong Đông Nam Á bị thoái vốn mạnh. Dòng vốn tích cực tại Việt Nam tiếp tục lan tỏa đến các quỹ ETF chính.

Tác động của kỳ nghỉ Tết

Kỳ nghỉ Tết kéo dài tác động đến thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 1 và tháng 2. Tuy nhiên, tác động này sẽ kết thúc sau Tết. Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ duy trì xu hướng giảm trung hạn trong 1H23. Và sau đó, thị trường sẽ hồi phục kể từ 2H23 nhờ (1) Các yếu tố cơ bản tốt và (2) định giá hấp dẫn. Cụ thể, chỉ số VNIndex sẽ hình thành đáy quan trọng từ tháng 05/2023 đến tháng 09/2023 trong khoảng 780-910 điểm.

Nội dung

I. Tâm lý thị trường thận trọng.....	1
1. Thanh khoản giảm do sự vắng mặt của nhà đầu tư nhỏ lẻ trong nước.....	1
2. Nhà đầu tư nhỏ lẻ trong nước bán ròng.....	3
II. Hoạt động giao dịch khối ngoại tăng mạnh.....	3
III. Xu hướng giảm trung hạn.....	5
1. Tác động từ kỳ nghỉ Tết.....	5
2. Chu kỳ và mẫu hình của VNIndex	5

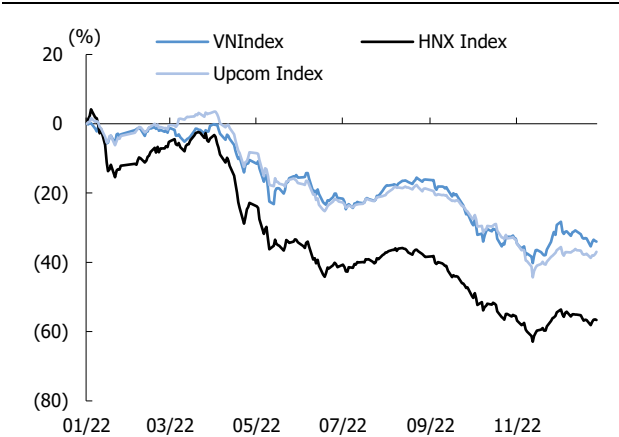
I. Tâm lý thị trường thận trọng

1. Thanh khoản giảm do sự vắng mặt của nhà đầu tư nhỏ lẻ trong nước

Thị trường chứng khoán hạ nhiệt sau khi chạm ngưỡng kháng cự mạnh 1,100 điểm. Đầu tháng 12, VNIndex tiếp đà tăng của tháng trước để chạm đến ngưỡng kháng cự mạnh 1,100 điểm vào ngày 5/12 khi các vấn đề vĩ mô cốt lõi như thanh khoản ngân hàng, tỷ giá và lạm phát tạm thời được kiểm soát. Tuy nhiên, thị trường bắt đầu điều chỉnh trở lại và tích lũy quanh mức 1,000-1,060 điểm vào những phiên sau đó, một phần do hoạt động chốt lời mạnh ở nhóm cổ phiếu Bất động sản, Ngân hàng và Chứng khoán.

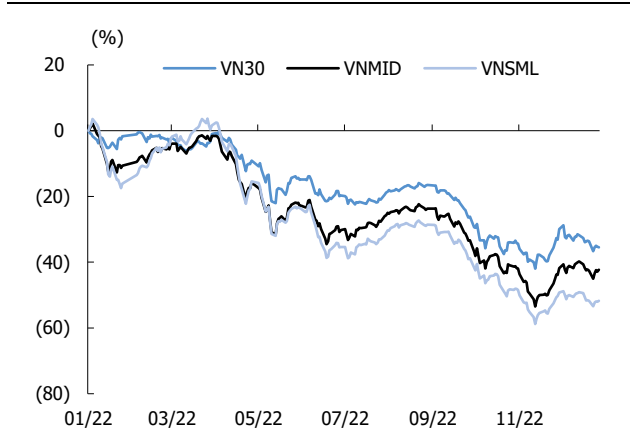
Lo ngại về kinh tế vĩ mô và tâm lý trước kỳ nghỉ Tết đã làm chững lại sự tăng trưởng của VNIndex. Thị trường xác nhận đáy tại vùng 980 điểm vào tháng 12 trước khi quay đầu đi ngang quanh đường trung bình động 50 kỳ vào các phiên giao dịch cuối tháng. Mặc dù thị trường được hỗ trợ bởi thông tin Trung Quốc mở cửa trở lại, nhưng lo ngại về kinh tế vĩ mô yếu hơn và tâm lý trước kỳ nghỉ Tết đã làm chững lại đà tăng của VNIndex. Cụ thể, VNIndex đóng cửa tháng 12 quanh mức 1,000 điểm với khối lượng trung bình 1 tháng thấp hơn dự kiến, giảm 3.9% t/t và 31.8% kể từ đầu năm.

Hình 1. Tăng trưởng của chỉ số VNIndex trong 2022



Nguồn: Fiin, KIS
Chú ý: Bắt đầu từ 01/22 = 100%

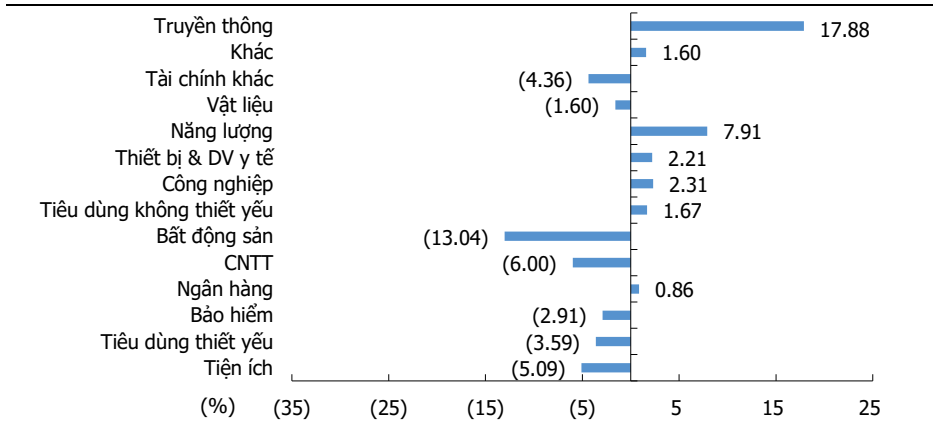
Hình 2. Tăng trưởng của nhóm chỉ số của HOSE trong 2022



Nguồn: Fiin, KIS
Chú ý: Bắt đầu từ 01/22 = 100%

Bất động sản chứng kiến sự sụt giảm mạnh nhất do hoạt động chốt lời. Bất động sản đảo chiều giảm 13.4% trong tháng 12 sau khi tăng mạnh vào tháng 11, dẫn đầu là NVL (-40%), VIC (-22.7%) và VHM (-11.9%). Ngoài ra, Nhóm Tài chính cũng có mức giảm mạnh trong tháng này, giảm 4.3% t/t, dẫn đầu là VIX (-17.3%), HCM (-8.8%), SSI (-8%). Nhóm ngành hàng tiêu dùng thiết yếu cũng là một trong những ngành giảm điểm mạnh, giảm 5% t/t do sự sụt giảm của MSN (-8.8%) và VNM (-6.4%).

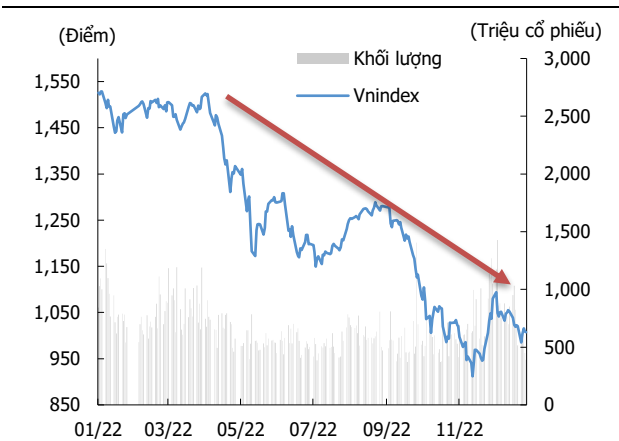
Hình 3. Nhóm Bất động sản chứng kiến mức giảm mạnh nhất trong tháng 12



Nguồn: Bloomberg, KIS

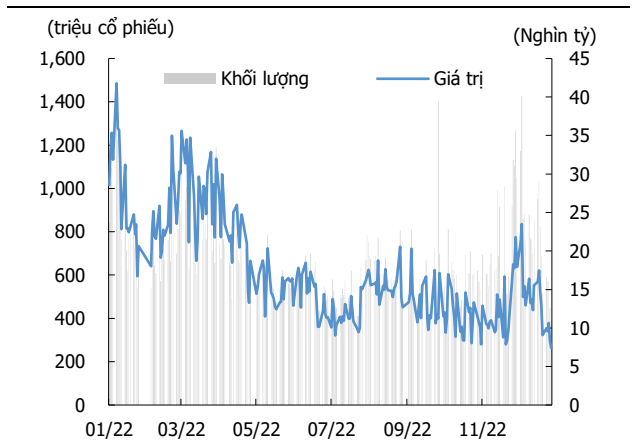
Thiếu thanh khoản. Mặc dù giá trị giao dịch của thị trường được cải thiện, thanh khoản của thị trường vẫn ở mức thấp trong nửa cuối tháng 12. Trong tháng 12, cả giá trị và khối lượng giao dịch trung bình trên HSX đều được cải thiện, tăng lần lượt từ 11.6 nghìn tỷ đồng/706.3 triệu cổ phiếu lên 14.2 nghìn tỷ đồng/816.3 triệu cổ phiếu, tăng lần lượt 22.4% t/t và 15.6% t/t. Tuy nhiên, thanh khoản bắt đầu giảm dần kể từ ngày 21/12 do thị trường vắng bóng lực cầu từ nhà đầu tư nhỏ lẻ trong nước cũng như lực cầu từ khối ngoại cũng dần hạ nhiệt. Cụ thể, khối lượng giao dịch trung bình giảm 39.7% so với nửa đầu tháng và giá trị giao dịch trung bình được ghi nhận vào khoảng 16.5 nghìn tỷ đồng/phiên (-37.8% so với nửa đầu tháng)

Hình 4. Biến động của VNindex và khối lượng



Source: Fiin, KIS

Hình 5. Khối lượng và giá trị giao dịch trong



Nguồn: Fiin, KIS

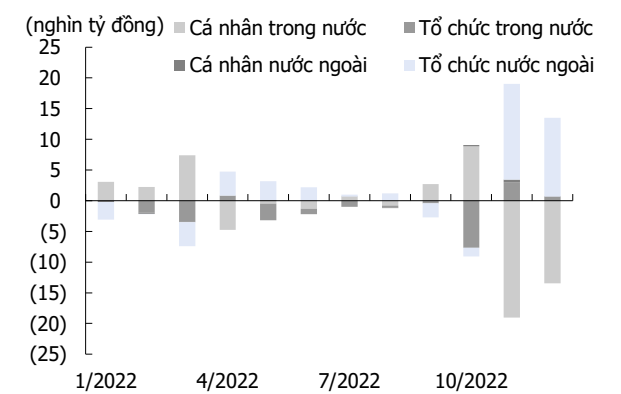
2. Nhà đầu tư nhỏ lẻ trong nước bán ròng

Hoạt động giao dịch của nhóm nhà đầu tư trong nước chậm lại nhưng vẫn duy trì ở mức cao. Tháng 12/2022, tổng giá trị giao dịch chững lại nhưng vẫn duy trì ở mức cao. Riêng hoạt động giao dịch của nhóm nhà đầu tư trong nước giảm so với tháng trước, giảm 25% t/t. Đáng chú ý, trong tháng 12/2022, nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục bán ròng mạnh trong khi 3 nhóm còn lại được mua ròng.

Theo mã cổ phiếu, các tổ chức trong nước mua ròng EIB, MWG, FPT, MBB và TCB nhiều nhất trong khi NVL, GEX, TPB, VFMVN Diamond và VIC bị bán mạnh nhất. Với nhà đầu tư cá nhân trong nước, nhóm này tập trung vào các mã NVL, TPB, GEX, PDR, và VIX trong khi áp lực bán ròng của nhóm này tập trung vào STB, HPG, VHM, SSI, và DGC.

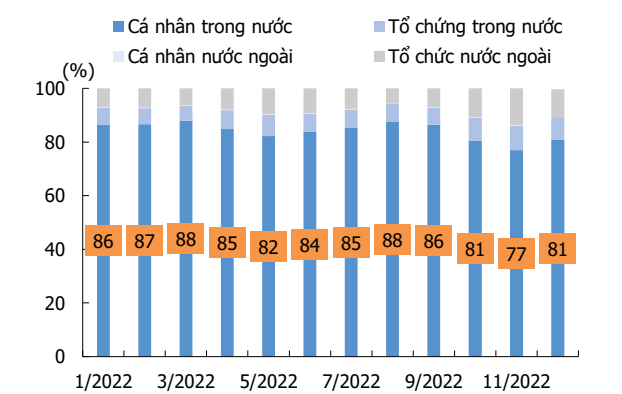
Tổ chức nước ngoài tiếp tục chiếm tỷ trọng cao trong tổng hoạt động giao dịch. Trong tháng 12/2022, tổng giá trị giao dịch từ các tổ chức nước ngoài tiếp tục duy trì ở mức cao, chiếm 48% tổng giá trị giao dịch. Ở chiều ngược lại, các cá nhân nước ngoài ghi nhận hoạt động giao dịch không đáng kể. Theo mã cổ phiếu, các tổ chức nước ngoài mua ròng HSG, VIX, SVI, VMD, và SVC nhiều nhất trong khi EIB, PGV, NAF, VTO, và GEX lại bị bán ròng mạnh.

Hình 6. Hoạt động giao dịch của từng nhóm nhà đầu tư



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 7. Tỷ trọng từng nhóm nhà đầu tư

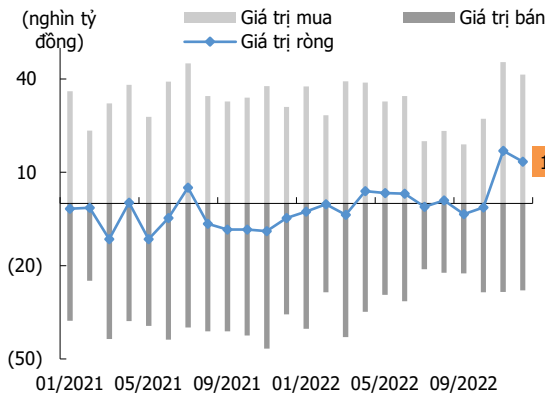


Nguồn: Fiinpro, KIS

II. Hoạt động giao dịch khối ngoại tăng mạnh

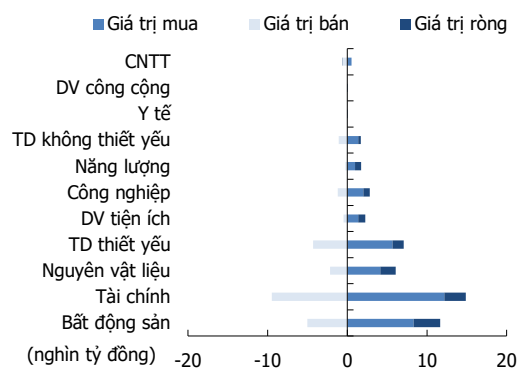
Lực cầu ngoại vẫn ở mức cao. Khối ngoại tiếp tục mua ròng với giá trị 13.4 nghìn tỷ đồng trong tháng 12. Đáng chú ý, lực cầu khối ngoại tăng mạnh trong 4Q22 và lần át hoàn toàn áp lực bán mạnh trong 9T22 và thị trường kết thúc 4Q22 với giá trị mua ròng của khối ngoại ghi nhận ở mức 29 nghìn tỷ đồng. Theo từng ngành, tương tự tháng 11/2022, lực cầu khối ngoại tiếp tục tập trung trên các nhóm ngành chủ đạo, chủ yếu tập trung trên lĩnh vực Bất động sản, Tài chính và Nguyên vật liệu. Theo từng mã cổ phiếu, VHM, VIC, STB, SSI, CTG, và HPG tiếp tục thu hút phần lớn lực cầu từ khối ngoại.

Hình 8. Mua/bán ròng khối ngoại theo tháng



Nguồn: KIS, Fiinpro

Hình 9. Mua/bán ròng khối ngoại theo ngành



Nguồn: KIS, Fiinpro

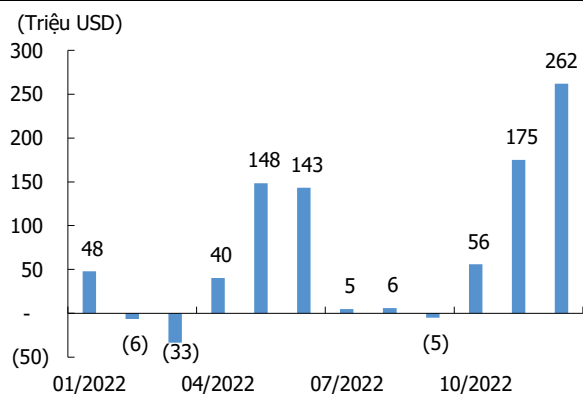
Thoái vốn mạnh mẽ tại các quốc gia Đông Nam Á, ngoại trừ Việt Nam.

Trong tháng 12/2022, Việt Nam đã thu hút 262 triệu USD thông qua các quỹ ETF chính, cao nhất trong 2 năm vừa qua. Đáng chú ý, trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam thu hút phần lớn sự chú ý thông qua các quỹ ETF chủ đạo trong khi hoạt động rút vốn mạnh diễn ra ở các quốc gia khác như Thái Lan (21 triệu USD), Singapore (21 triệu USD) và Indonesia (25 triệu USD).

Dòng tiền lớn đổ vào các quỹ ETF chính tại Việt Nam.

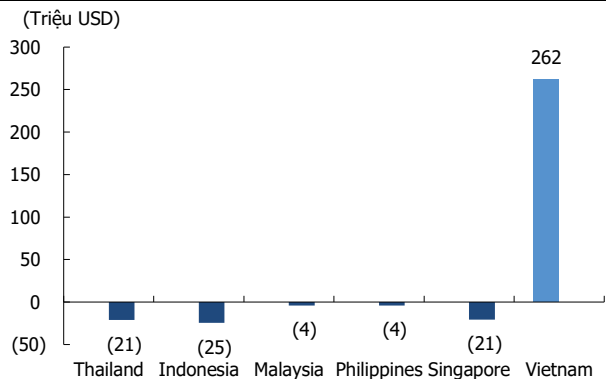
Vào tháng 12/2022, lực cầu trên các quỹ ETF tại Việt Nam tăng mạnh dẫn đến dòng vốn dương tại Việt Nam ghi nhận ở mức cao kỷ lục. Đặc biệt, Việt Nam ghi nhận dòng vốn đi vào trong 4 tuần liên tiếp của tháng 12/2022 với mức độ dòng vốn trung bình mỗi tuần cao gấp 5 lần so với tháng 10/2022 và gấp 3 lần so với tháng 11/2022.

Hình 10. Dòng tiền thuần của ETF Việt Nam



Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 11. Dòng tiền của các quốc gia Đông Nam Á



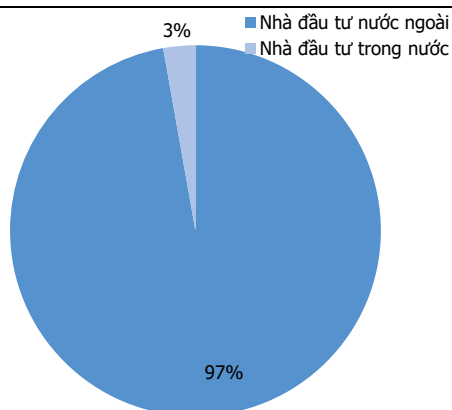
Nguồn: Bloomberg, KIS

Dòng tiền vào các quỹ ETF chủ đạo trong khi hoạt động thoái vốn lại không đáng kể.

Tương tự như tháng 11, dòng tiền tiếp tục đi vào các quỹ ETF lớn. Đặc biệt, 50% quỹ ETF lớn thu hút được dòng tiền vào mạnh trong khi chỉ có 25% tổng số quỹ ETF bị rút vốn nhưng hoạt động rút vốn cũng ở mức thấp. Trong tháng 12/2022, Fubon FTSE Vietnam ETF tiếp tục thu hút phần lớn dòng vốn đổ vào các quỹ ETF, tiếp theo là VanEck Vietnam ETF và VFMVN Diamond ETF. Đáng chú ý, dòng tiền đã quay trở lại với SSIAM VNFIN Lead ETF và FTSE Vietnam Swap, góp phần đáng kể vào dòng vốn tích cực tại Việt Nam trong tháng 12/2022.

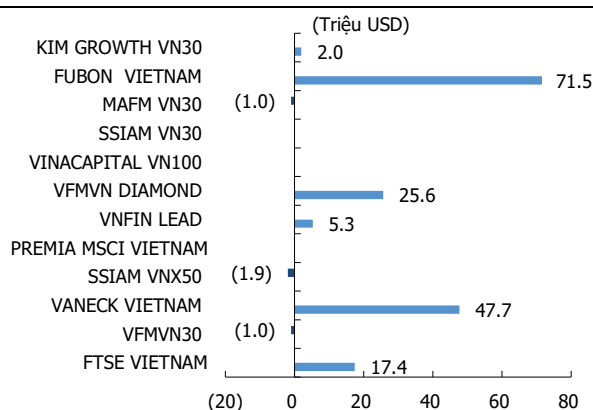
Dòng tiền đổ vào ồ ạt và lực cầu ngoại tăng cao làm tăng khả năng thị trường tạo đáy. Trong quý 4, lực cầu nước ngoài tăng mạnh, đạt mức cao nhất trong năm, đi kèm với dòng vốn lớn đổ vào các quỹ ETF của Việt Nam. Quan trọng nhất, sự kiện này xảy ra trong giai đoạn thị trường đang được giao dịch quanh vùng đáy quan trọng, điều này đóng góp đáng kể cho khả năng tạo đáy của thị trường trong trung và dài hạn.

Hình 12. Tỷ trọng sở hữu quỹ ETF tại Việt Nam



Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 13. Dòng tiền của các quỹ ETF Việt Nam



Nguồn: Bloomberg, KIS

III. Xu hướng giảm trung hạn

1. Tác động từ kỳ nghỉ Tết

Tâm lý thị trường trở nên thận trọng trước Tết. Xu hướng thị trường thận trọng khi chỉ số VNIndex vận động trong biên độ hẹp từ 1,000-1,100 điểm và chưa xác nhận xu hướng tăng hay giảm. Nguyên nhân chủ yếu là do kỳ nghỉ Tết, đây là ngày lễ quan trọng nhất trong năm ở Việt Nam. Người dân đón Tết nên một số nhà đầu tư có xu hướng “phớt lờ” thị trường.

Thanh khoản giảm mạnh. Tính trung bình, thanh khoản giảm gần 20% vào tháng trước Tết trong 10 năm qua, khi người dân háo hức chuẩn bị đón Tết. Và sau đó, thanh khoản sẽ hồi phục khoảng 27% trong tháng sau Tết. Do đó, sau Tết xu hướng thị trường sẽ được xác nhận trở lại.

2. Chu kỳ và mẫu hình của VNIndex

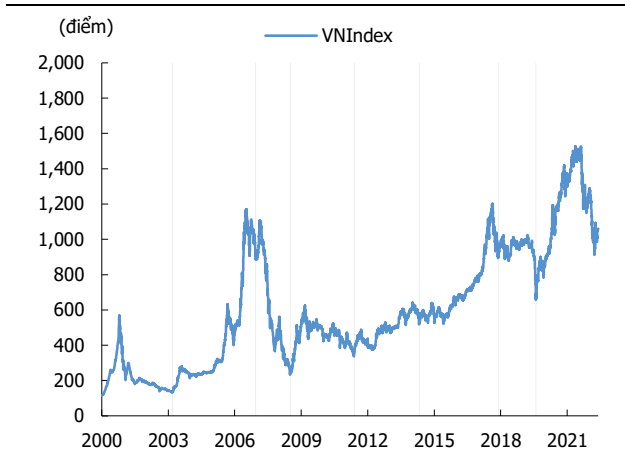
Chu kỳ 3 năm thứ 7 đang tạo đáy. Thị trường chứng khoán Việt Nam có thể được phân chia thành các chu kỳ 3 năm khi các đáy quan trọng được hình thành cách nhau 3 năm một lần. Hiện thị trường đang ở chu kỳ 3 năm thứ 7 bắt đầu từ đáy năm 2020 và kỳ vọng kết thúc trong khoản thời gian từ tháng 09/2022 đến tháng 09/2023.

Chỉ số VNIndex tăng từ tháng 07/2022 đến tháng 09/2022, nhưng chỉ số vẫn đóng cửa dưới đường MA75 trên đồ thị tuần, được dùng để xác định đáy của chu kỳ 3 năm. Điều đó có nghĩa là đáy tháng 7 không phải là đáy của chu kỳ 3 năm. Do đó, chỉ số sẽ hình thành một đáy khác để kết thúc chu kỳ 3 năm hiện tại. Dựa trên phân tích chu kỳ của Raymond Merriman và chu kỳ 1 năm tại Việt Nam (phân tích bên dưới), chúng tôi kỳ vọng đáy này có thể rơi vào khoảng tháng 05/2023 đến tháng 09/2023.

Bảng 1. Thời gian tạo đáy của chu kỳ 3 năm

Chu kỳ	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Thời gian (Tháng)
1	10/24/2003	08/02/2006	33
2	08/02/2006	02/24/2009	30
3	02/24/2009	01/06/2012	34
4	01/06/2012	12/17/2014	35
5	12/17/2014	07/11/2018	42
6	07/11/2018	03/24/2020	20
7	03/24/2020	09/2022-09/2023*	30-42*

*Giai đoạn được kì vọng tạo đáy chu kỳ 3 năm
 Nguồn: KIS

Hình 14. Chu kỳ 3 năm trên VNIndex

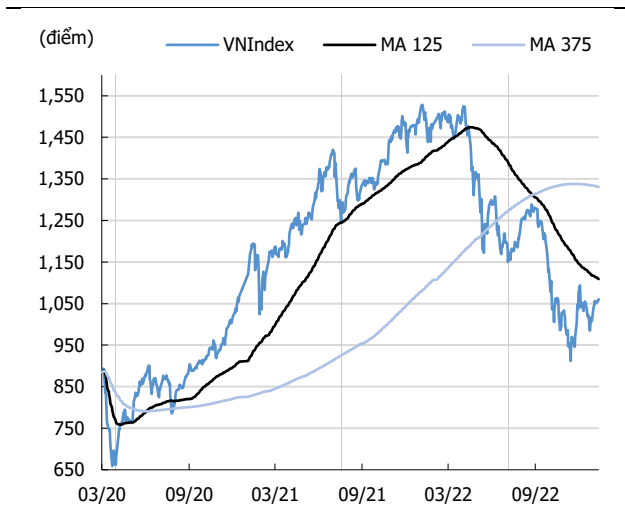
Nguồn: KIS

Chu kỳ giảm giá cho đến giữa năm 2023. Thị trường tăng giá từ tháng 7 đến tháng 9 xác nhận giai đoạn cuối của chu kỳ 1 năm thứ hai trong chu kỳ 3 năm khi VNIndex tiếp cận đường trung bình động 25 kỳ (MA25) trên đồ thị tuần. Sau khi hình thành đáy vào tháng 07/2022, một chu kỳ 1 năm mới đang hình thành. Chu kỳ 1 năm sẽ có xu hướng giảm vì đây là chu kỳ cuối cùng của chu kỳ 3 năm. Bên cạnh đó, đáy chu kỳ 1 năm sẽ thấp hơn đáy tháng 07/2022 do đáy 1 năm sẽ trùng với đáy 3 năm (dự kiến rơi vào tháng 09/2022-09/2023), thời điểm tạo đáy của chu kỳ 1 năm có thể được mở rộng hoặc thu hẹp một chút so với dự kiến. Chúng tôi kỳ vọng giá mục tiêu tạo đáy của chu kỳ 1 năm tới trong khoảng 780-910 điểm (chi tiết trong báo cáo chiến lược tháng trước).

Bảng 2. Thời gian tạo đáy của chu kỳ 1 năm

Chu kỳ 3 năm	Chu kỳ 1 năm	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Thời gian
	13	12/17/2014	01/21/2016	13
V	14	01/21/2016	12/06/2016	10
	15	12/06/2016	07/11/2018	19
VI	16	07/11/2018	01/03/2019	5
	17	01/03/2019	03/24/2020	14
VII	18	03/24/2020	07/19/2021	15
	19	07/19/2021	07/06/2022	11
	20	07/06/2022	05-09/2023*	10-14*

*Giai đoạn kì vọng sẽ tạo đáy chu kỳ 3 năm
 Nguồn: KIS

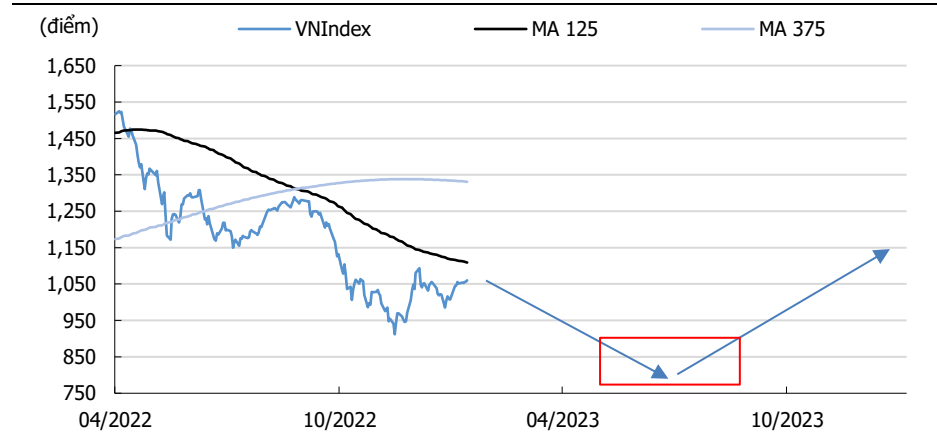
Hình 15. Chu kỳ 1 năm trên VNIndex

Nguồn: KIS

Chờ tín hiệu bứt phá. Trong ngắn hạn, VNIndex dao động trong biên độ hẹp từ 1,000 đến 1,100 điểm với thanh khoản thấp. Chỉ số hình thành một số cây nến có phần thân nhỏ và bóng mờ dài, hàm ý tâm lý thị trường có phần thận trọng. Điều này cho thấy giai đoạn hiện tại là giai đoạn củng cố hoặc đi ngang. Do đó, chỉ số cần một sự bứt phá lên hoặc xuống để xác nhận xu hướng tiếp

theo. Nếu chỉ số phá vỡ ngưỡng 1,100 điểm, xu hướng tăng sẽ được xác nhận. Ngược lại, nếu chỉ số giảm xuống dưới 1,000 điểm, xu hướng giảm sẽ được xác nhận. Dựa trên phân tích chu kỳ, chúng tôi cho rằng VNIndex sẽ có xu hướng điều chỉnh dưới 1,000 điểm để hình thành thị trường giảm giá.

Hình 16. Dự báo biến động của chỉ số VNIndex



Nguồn: KIS

Phụ lục 1

Bảng 3. Top 10 cổ phiếu tăng trong tháng 11 (VND, %/t)

Mã	Ngành	Sàn	Giá hiện tại	%1-t/t
PTI	Bảo hiểm	HNX	49,900	99.60
SGT	Viễn thông	HOSE	15,200	45.45
NAG	Tiêu dùng không thiết yếu	HNX	15,800	43.64
TTB	Nguyên vật liệu	HOSE	4,060	35.79
HVN	Công nghiệp	HOSE	13,900	34.95
GEG	Tiền ích	HOSE	16,000	29.55
KLF	Tiêu dùng không thiết yếu	HNX	900	28.57
APG	Tài chính	HOSE	6,250	28.07
EIB	Ngân hàng	HOSE	27,950	27.05
VOS	Công nghiệp	HOSE	11,700	24.34

Nguồn: FiinPro, KIS
Dữ liệu đến ngày 30/12/2022, tính toán dựa trên 90% vốn hóa thị trường của HOSE và HNX với khối lượng giao dịch bình quân hàng ngày từ 100,000 cổ phiếu

Bảng 4. Top 10 cổ phiếu giảm trong tháng 11 (VND, %/t)

Mã	Ngành	Sàn	Giá hiện tại	%1-t/t
IBC	Tiêu dùng không thiết yếu	HOSE	2,760	(72.81)
HPX	Bất động sản	HOSE	4,600	(49.45)
NVL	Bất động sản	HOSE	14,000	(40.04)
API	Bất động sản	HNX	8,600	(31.75)
HTN	Bất động sản	HOSE	12,250	(31.37)
GIL	Tiêu dùng không thiết yếu	HOSE	18,350	(29.15)
CSC	Công nghiệp	HNX	36,500	(23.96)
KHG	Bất động sản	HOSE	4,150	(23.15)
TVB	Tài chính	HOSE	3,700	(22.92)
VIC	Bất động sản	HOSE	53,800	(22.70)

Nguồn: FiinPro, KIS
Dữ liệu đến ngày 30/12/2022, tính toán dựa trên 90% vốn hóa thị trường của HOSE và HNX với khối lượng giao dịch bình quân hàng ngày từ 100,000 cổ phiếu

Phụ lục 2

Bảng 5. Dòng tiền thuần của quỹ ETF Việt Nam

Tên	Loại	Tổng AUM (triệu USD)	NAV/ccq (USD)	Giá (USD)	% tuần	% premium	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
							1 tuần	1 tháng	6 tháng	1 năm
X FTSE VIETNAM SWAP	Swap ETF	264.4	25.6	26.2	(0.8)	2.4	2.5	17.4	51.6	33.4
VFMVN30 ETF FUND	ETF	261.5	0.8	0.7	(2.1)	(8.3)	0.2	(1.0)	11.5	(35.6)
VANECK VIETNAM ETF	ETF	413.1	11.8	11.8	(2.4)	0.8	7.7	47.7	114.8	77.0
SSIAM VNX50 ETF	ETF	5.9	0.6	0.6	0.4	(2.2)	(0.5)	(1.9)	(2.9)	(2.9)
PREMIA MSCI VIETNAM	ETF	15.3	7.5	7.7	(0.9)	2.2	0.0	0.0	(1.4)	(1.3)
SSIAM VNFN LEAD	ETF	138	0.6	0.6	(3.6)	1.0	1.4	5.3	30.6	46.7
VFMVN DIAMOND ETF	ETF	763	0.9	0.9	(3.2)	0.5	5.4	25.6	41.4	256.0
VINACAPITAL VN100 ETF	ETF	9	0.6	0.5	(4.7)	(1.5)	0.0	0.0	1.1	4.7
SSIAM VN30 ETF	ETF	3	0.5	0.5	(1.6)	0.7	0.0	0.0	0.0	(2.2)
MAFM VN30 ETF	ETF	14	0.5	0.5	(3.1)	1.1	0.0	(1.0)	(6.8)	(14.1)
FUBON FTSE VIETNAM ETF	ETF	710	0.4	0.4	0.7	1.8	39.3	71.5	292.6	518.5
KIM GROWTH VN30 ETF	ETF	17	0.3	0.3	(0.4)	1.0	0.0	2.0	13.8	18.4

Nguồn: Bloomberg, KIS

Phụ lục 3

Bảng 6. 10 mã cổ phiếu khối ngoại mua ròng nhiều nhất

(VND, %, VND bn)

Mã	Ngành	Giá	% Chg	Mua	Bán	Ròng
HPG	Nguyên vật liệu	18,000	(2.2)	3,167	1,658	1,509
VHM	Bất động sản	48,000	(11.9)	2,228	837	1,391
STB	Tài chính	22,500	12.5	2,316	1,027	1,290
VIC	Bất động sản	53,800	(22.7)	1,634	812	823
VPD	Tiện ích	22,500	(3.8)	785	0	785
SSI	Tài chính	17,700	(8.1)	1,490	717	773
FUEVFVND	Tài chính	22,400	(1.8)	1,640	889	751
VND	Tài chính	13,500	(0.7)	1,135	472	663
DGC	Tiêu dùng thiết yếu	58,900	1.2	1,013	361	652
CTG	Tài chính	27,250	0.0	896	305	591

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 7. 10 mã cổ phiếu khối ngoại bán ròng nhiều nhất

(VND, %, VND bn)

Mã	Ngành	Giá	% Chg	Mua	Bán	Ròng
EIB	Tài chính	27,950	27.0	1,424	3,074	(1,650)
PDR	Bất động sản	13,600	(0.4)	137	409	(272)
VRE	Bất động sản	26,300	(13.9)	807	904	(98)
VNM	Tiêu dùng thiết yếu	76,100	(6.4)	1,625	1,721	(96)
GAS	Tiện ích	101,500	(7.9)	232	321	(89)
VPB	Tài chính	17,900	6.5	172	256	(84)
THD	Bất động sản	39,000	0.8	19	79	(60)
BCG	Công nghiệp	6,310	(10.6)	16	58	(42)
BCM	Bất động sản	80,600	(0.2)	316	353	(37)
ITA	Công nghiệp	4,050	5.2	10	40	(30)

Nguồn: FiinPro, KIS

Phụ lục 4

Bảng 8. 10 mã mua ròng nhiều nhất từ tổ chức trong nước

(VND, %, VND bn)

Mã	Ngành	Giá	% Chg	Mua	Bán	Ròng
EIB	Tài chính	22,000	(40.5)	2,715	572	2,143
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	44,100	(14.5)	979	505	473
FPT	CNTT	74,600	(1.3)	1,093	729	364
MBB	Tài chính	17,400	(1.7)	725	378	348
TCB	Tài chính	25,900	5.3	944	642	301
STB	Tài chính	20,000	23.8	987	689	298
VPB	Tài chính	16,800	2.8	1,560	1,286	275
OCB	Tài chính	15,300	15.9	208	27	181
KDC	Tiêu dùng thiết yếu	61,500	0.0	159	6	153
PVD	Năng lượng	15,800	(8.1)	177	42	136

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 9. 10 mã bán ròng nhiều nhất từ tổ chức trong nước

(VND, %, VND bn)

Mã	Ngành	Giá	% Chg	Mua	Bán	Ròng
NVL	Bất động sản	23,350	(66.6)	1,300	2,567	(1,267)
GEX	Công nghiệp	14,950	11.6	263	1,165	(902)
TPB	Tài chính	22,000	6.3	429	1,293	(864)
FUEVFVND	Tài chính	22,800	2.5	243	863	(621)
VIC	Bất động sản	69,600	25.6	530	1,109	(579)
VPD	Tiện ích	23,400	(6.8)	0	540	(540)
SBT	Tiêu dùng thiết yếu	13,000	3.8	31	353	(322)
PDR	Bất động sản	13,650	(68.8)	65	363	(298)
VIX	Tài chính	7,860	4.8	18	245	(227)
MSB	Tài chính	13,000	4.8	381	519	(138)

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 9. 10 mã mua ròng nhiều nhất từ tổ chức nước ngoài

(VND, %, VND bn)

Mã	Ngành	Giá	% Chg	Mua	Bán	Ròng
HSG	Nguyên vật liệu	11,250	(1.3)	3,113	1,559	1,554
VIX	Tài chính	7,860	4.8	2,216	831	1,385
SVI	Nguyên vật liệu	58,000	8.2	2,267	977	1,291
VMD	Sức khỏe	17,100	(7.4)	1,617	802	815
SVC	Tiêu dùng không thiết yếu	109,800	(2.1)	1,417	628	789
VRC	Công nghiệp	7,110	(5.2)	785	0	785
GAS	Tiện ích	110,200	(0.8)	1,627	883	744
VNS	Công nghiệp	17,400	3.0	1,121	442	679
DGC	Nguyên vật liệu	60,900	(20.8)	985	345	641
CTG	Tài chính	27,250	10.8	870	277	592

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 11. 10 mã bán ròng nhiều nhất từ tổ chức nước ngoài

(VND, %, VND bn)

Mã	Ngành	Giá	% Chg	Mua	Bán	Ròng
EIB	Tài chính	22,000	(40.5)	1,422	3,070	(1,648)
PGV	Tiện ích	18,500	(8.0)	104	393	(289)
NAF	Tiêu dùng thiết yếu	9,200	(5.0)	12	248	(236)
VTO	Công nghiệp	7,460	3.6	803	897	(93)
GEX	Công nghiệp	14,950	11.6	230	320	(91)
VPG	Công nghiệp	14,750	(29.8)	1,619	1,701	(82)
BCG	Công nghiệp	7,060	(11.2)	15	57	(42)
BCM	Bất động sản	80,800	(1.2)	315	353	(37)
KBC	Bất động sản	21,150	20.9	8	38	(30)
QBS	Nguyên vật liệu	2,290	10.1	7	36	(29)

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 12. 10 mã mua ròng nhiều nhất từ cá nhân trong nước

(VND, %, VND bn)

Mã	Ngành	Giá	% Chg	Mua	Bán	Ròng
NVL	Bất động sản	23,350	(66.6)	13,137	12,210	927
TPB	Tài chính	22,000	6.3	4,868	4,001	867
GEX	Công nghiệp	14,950	11.6	6,115	5,375	740
PDR	Bất động sản	13,650	(68.8)	5,849	5,278	571
VIX	Tài chính	7,860	4.8	3,887	3,672	215
MSB	Tài chính	13,000	4.8	1,282	1,118	164
VNM	Tiêu dùng thiết yếu	82,800	5.5	1,665	1,539	125
SBT	Tiêu dùng thiết yếu	13,000	3.8	1,320	1,211	109
SZC	Công nghiệp	30,300	10.0	803	706	97
OPC	Sức khỏe	23,300	2.2	109	30	80

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 13. 10 mã bán ròng nhiều nhất từ cá nhân trong nước

(VND, %, VND bn)

Mã	Ngành	Giá	% Chg	Mua	Bán	Ròng
STB	Tài chính	20,000	23.8	8,784	10,372	(1,588)
HPG	Nguyên vật liệu	18,400	17.6	10,380	11,895	(1,515)
VHM	Bất động sản	54,500	21.1	1,324	2,691	(1,367)
SSI	Tài chính	19,250	18.1	8,243	9,021	(778)
DGC	Nguyên vật liệu	60,900	(20.8)	3,216	3,938	(722)
CTG	Tài chính	27,250	10.8	1,535	2,234	(699)
VND	Tài chính	13,600	18.3	9,814	10,471	(657)
EIB	Tài chính	22,000	(40.5)	6,638	7,130	(493)
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	44,100	(14.5)	1,861	2,335	(474)
PVD	Năng lượng	15,800	(8.1)	1,929	2,380	(451)

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 14. 10 mã mua ròng nhiều nhất từ cá nhân nước ngoài

(VND, %, VND bn)

Mã	Ngành	Giá	% Chg	Mua	Bán	Ròng
HPG	Nguyên vật liệu	18,400	17.6	3,113	1,559	1,554
VHM	Bất động sản	54,500	21.1	2,216	831	1,385
STB	Tài chính	20,000	23.8	2,267	977	1,291
VIC	Bất động sản	69,600	25.6	1,617	802	815
SSI	Tài chính	19,250	18.1	1,417	628	789
VPD	Tiện ích	23,400	(6.8)	785	0	785
FUEVFNVD	Tài chính	22,800	2.5	1,627	883	744
VND	Tài chính	13,600	18.3	1,121	442	679
DGC	Nguyên vật liệu	60,900	(20.8)	985	345	641
CTG	Tài chính	27,250	10.8	870	277	592

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 15. 10 mã bán ròng nhiều nhất từ cá nhân nước ngoài

(VND, %, VND bn)

Mã	Ngành	Giá	% Chg	Mua	Bán	Ròng
EIB	Tài chính	22,000	(40.5)	1422	3070	(1648)
PDR	Bất động sản	13,650	(68.8)	104	393	(289)
MSB	Tài chính	13,000	4.8	12	248	(236)
VRE	Bất động sản	30,550	24.2	803	897	(93)
GAS	Tiện ích	110,200	(0.8)	230	320	(91)
VNM	Tiêu dùng thiết yếu	82,800	5.5	1619	1701	(82)
BCG	Công nghiệp	7,060	(11.2)	15	57	(42)
BCM	Bất động sản	80,800	(1.2)	315	353	(37)
ITA	Công nghiệp	3,850	3.5	8	38	(30)
PTB	Nguyên vật liệu	43,550	(12.9)	7	36	(29)

Nguồn: FiinPro, KIS

Global Disclaimer

■ General

This research report and marketing materials for Vietnamese securities are originally prepared and issued by the Research Center of KIS Vietnam Securities Corp., an organization licensed with the State Securities Commission of Vietnam. The analyst(s) who participated in preparing and issuing this research report and marketing materials is/are licensed and regulated by the State Securities Commission of Vietnam in Vietnam only. This report and marketing materials are copyrighted and may not be copied, redistributed, forwarded or altered in any way without the consent of KIS Vietnam Securities Corp..

This research report and marketing materials are for information purposes only. They are not and should not be construed as an offer or solicitation of an offer to purchase or sell any securities or other financial instruments or to participate in any trading strategy. This research report and marketing materials do not provide individually tailored investment advice. This research report and marketing materials do not take into account individual investor circumstances, objectives or needs, and are not intended as recommendations of particular securities, financial instruments or strategies to any particular investor. The securities and other financial instruments discussed in this research report and marketing materials may not be suitable for all investors. The recipient of this research report and marketing materials must make their own independent decisions regarding any securities or financial instruments mentioned herein and investors should seek the advice of a financial adviser. KIS Vietnam Securities Corp. does not undertake that investors will obtain any profits, nor will it share with investors any investment profits. KIS Vietnam Securities Corp., its affiliates, or their affiliates and directors, officers, employees or agents of each of them disclaim any and all responsibility or liability whatsoever for any loss (director consequential) or damage arising out of the use of all or any part of this report or its contents or otherwise arising in connection therewith. Information and opinions contained herein are subject to change without notice and may differ or be contrary to opinions expressed by other business areas or KIS Vietnam Securities Corp. The final investment decision is based on the client's judgment, and this research report and marketing materials cannot be used as evidence in any legal dispute related to investment decisions.

■ Country-specific disclaimer

United States: This report is distributed in the U.S. by Korea Investment & Securities America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major U.S. institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) under the U.S. Securities Exchange Act of 1934. All U.S. persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are a major U.S. institutional investor and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Korea Investment & Securities, Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any U.S. recipient of this document wishing to effect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Korea Investment & Securities America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the U.S. The securities described in this report may not have been registered under the U.S. Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the U.S. or to U.S. person absent registration or an applicable exemption from the registration requirement.

United Kingdom: This report is not an invitation nor is it intended to be an inducement to engage in investment activity for the purpose of section 21 of the Financial Services and Markets Act 2000 of the United Kingdom ("FSMA"). To the extent that this report does constitute such an invitation or inducement, it is directed only at (i) persons who are investment professionals within the meaning of Article 19(5) of the Financial Services and Markets Act 2000 (Financial Promotion) Order 2005 (as amended) of the United Kingdom (the "Financial Promotion Order"); (ii) persons who fall within Articles 49(2)(a) to (d) ("high net worth companies, unincorporated associations etc.") of the Financial Promotion Order; and (iii) any other persons to whom this report can, for the purposes of section 21 of FSMA, otherwise lawfully be made (all such persons together being referred to as "relevant persons"). Any investment or investment activity to which this report relates is available only to relevant persons and will be engaged in only with relevant persons. Persons who are not relevant persons must not act or rely on this report.

Hong Kong: This research report and marketing materials may be distributed in Hong Kong to institutional clients by Korea Investment & Securities Asia Limited (KISA), a Hong Kong representative subsidiary of Korea Investment & Securities Co., Ltd., and may not otherwise be distributed to any other party. KISA provides equity sales service to institutional clients in Hong Kong for Korean securities under its sole discretion, and is thus solely responsible for provision of the aforementioned equity selling activities in Hong Kong. All requests by and correspondence with Hong Kong investors involving securities discussed in this report and marketing materials must be effected through KISA, which is registered with The Securities & Futures Commission (SFC) of Hong Kong. Korea Investment & Securities Co., Ltd. is not a registered financial institution under Hong Kong's SFC.

Singapore: This report is provided pursuant to the financial advisory licensing exemption under Regulation 27(1)(e) of the Financial Advisers Regulation of Singapore and accordingly may only be provided to persons in Singapore who are "institutional investors" as defined in Section 4A of the Securities and Futures Act, Chapter 289 of Singapore. This report is intended only for the person to whom Korea Investment & Securities Co., Ltd. has provided this report and such person may not send, forward or transmit in any way this report or any copy of this report to any other person. Please contact Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd in respect of any matters arising from, or in connection with, the analysis or report (Contact Number: 65 6501 5600).

VIET NAM

JAE HEUNG LEE, Business Director (jhlee@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1466)
UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

DAN SONG, Managing Director, Head of HK Sales (dan.song@kisasia.com +852 2530 8914)
GREGORY KIM, Sales (greg.kim@kisasia.com, +822 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.